TÒA ÁN NHÂN DÂN **THNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 18-01-2019.
V/v "*ly hôn giữa bà H với ông H1*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE

- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Triều

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hổ

2. Ông Trần Văn Hưng

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Chiến Trực – Thư ký Tòa án nhân dân tHnh phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Ngày 18 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tHnh phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 335/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2019/QĐXX-ST ngày 10 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Kim H, sinh năm 1970.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1962.

Nơi cư trú: số 313C khu phố 6, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Bà H có mặt, ông H1 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/8/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Lê Thị Kim H trình bày:

Bà và ông H1 tự nguyện kết hôn vào năm 1993, đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân phường P, thị xã B (nay là thành phố B), tỉnh Bến Tre vào ngày 08 tháng 4 năm 1994. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Đến năm 1999 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống không còn hạnh phúc nên đã ly thân từ đó đến nay. Nay tình cảm vợ chồng giữa bà và ông H1 không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H1.

Về con chung: trong quá trình chung sống bà và ông H1 có hai con chung là Nguyễn Duy N, sinh ngày 15/6/1995 và Nguyễn Vân K, sinh ngày 15/6/1999, hiện hai con chung đã trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập đương sự để triệu tập ông Nguyễn Văn H1 tới Tòa án để lấy lời khai, tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử nhưng ông H1 không đến, do đó Tòa án không thể lấy lời khai của ông H1 cũng như không tiến hành hòa giải giữa nguyên đơn và bị đơn được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Lê Thị Kim H khởi kiện bị đơn ông Nguyễn Văn H1. Hiện nay, ông H1 đang cư trú tại 313C khu phố 6, phường Phú Khương, tHnh phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã tống đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông H1 nhưng ông H1 vẫn vắng mặt nên không tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông H1 là phù hợp.

[2] Bà H và ông H1 tự nguyện kết hôn vào năm vào năm 1994, có đăng ký kết hôn và được ủy ban nhân dân phường P, thị xã B (nay là thành phố B), tỉnh Bến Tre nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo bà H, sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Đến tháng 5/2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống không còn hạnh phúc. Bà và ông H1 sống chung nH nhưng không quan tâm đến nhau. Tòa án nhân dân tHnh phố Bến Tre đã mở phiên hòa giải để động viên, Hàn gắn tình cảm vợ chồng của bà H và ông H1 nhưng ông H1 vẫn cố tình vắng mặt, không có thiện chí muốn Hn gắn tình cảm với bà H. Điều đó cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa ông bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H.

[3] Về con chung: hai con chung là Nguyễn Duy N, sinh ngày 15/6/1995 và Nguyễn Vân K, sinh ngày 15/6/1999, hiện hai con chung đã trưởng thành.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: bà H khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đồng bà H pH1 chịu, theo quy định của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, Quân phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 147 và Điều 227 bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81,82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Kim H đối với ông Nguyễn Văn H1.

1. Về hôn nhân: bà Lê Thị Kim H được ly hôn ông Nguyễn Văn H1.

2. Về con chung: hai con chung là Nguyễn Duy N, sinh ngày 15/6/1995 và Nguyễn Vân K, sinh ngày 15/6/1999, hiện hai con chung đã trưởng thành.

3. Về tài sản chung, nợ chung: bà H khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

4. Về án phí: Bà H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng theo biên lai thu số 0005151 ngày 14 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Bà H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông H1 vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi Hnh theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi Hnh án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi Hnh án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi Hnh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi Hnh án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS TP Bến Tre;
- UBND P. P, TP. B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
Đã ký

Nguyễn Xuân Triều